TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 533/2024/DS-PT Ngày 27-12-2024 V/v Tranh chấp về thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, vô hiệu văn bản huỷ di chúc	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghia

Các Thẩm phán *Ông Đặng Văn Những*

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 532/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp về thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, vô hiệu văn bản huỷ di chúc"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà M: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Số 9/1 M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Cụ Huỳnh Văn C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

2. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Diễm T1, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

2. Sở Tài nguyên vào Môi trường tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Q - Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B.

3. Văn phòng công chứng N.

4. Uỷ ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn T

(bà H, cụ C, anh T, chị Thúy có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn do bà Huỳnh Thị H là người đại diện theo ủy quyền có nội dung như sau:

Bà Phan Thị C1, sinh năm 1951, chết ngày 15/02/2023 theo giấy chứng tử số 01/2003/TLKT do UBND xã H1, huyện B cấp ngày 21/2/2023. Cụ C1 có 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1951 (là chồng), chị Huỳnh Thị M sinh năm 1970 (là con), anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1977 (là con). Ngoài ra ông C và bà C1 không có con nuôi hay con ngoài giá thú.

Ông C, bà C1 chung sống vào năm 1969, quá trình chung sống tạo lập được tài sản là các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6 (do các thửa 3837, 3838, 392, 7610 cùng tờ bản đồ số 6 hợp thành) toạ lạc tại ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An

- Thửa đất số 277, 278 cùng tờ bản đồ số 20, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, (thửa cũ 209, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An

- Thửa đất số 176, 360 cùng tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là 210, tờ bản đồ số 6), toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An

- Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 200, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 199, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13 (thửa cũ là thửa 1429, tờ bản đồ số 3) toạ lạc tại ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25 (thửa cũ 630, tờ bản đồ số 4) toạ lạc tại ấp 1, xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An.

Vào ngày 17/11/2004, bà Phan Thị C1 lập "tờ di chúc" được UBND xã A huyện B chứng nhận ngày 18/11/2004 "tờ di chúc" có nội dung như sau: *"Tôi có diện tích đất 30.000m^2, số thửa 630, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: Đất trồng mía. Hiện nay tôi đang sử dụng. Khi tôi già yếu thì con gái tôi là Huỳnh Thị M, sinh năm: 1970. Số giấy chứng minh nhân dân 300684162. Cư ngụ tại Ấp 1B, xã A huyện B, tỉnh Long An được quyền sử dụng. Nay tôi làm tờ di chúc này để cho con gái của tôi là Huỳnh Thị M sau này được toàn quyền sử dụng phần đất nói trên không ai được quyền tranh chấp trong phần đất này".*

Sau khi bà C1 chết, ông C và anh T sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, diện tích mới 19.285,1m^2 để trồng chanh.

Vào ngày 01/5/2023, ông Huỳnh Văn C làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T thửa đất số 277, 278, 7736 và được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 4/5/2023.

Vào ngày 07/7/2023, ống Huỳnh Văn C làm hợp đồng tặng cho anh Huỳnh Văn T thửa đất số 153, 161 tại Văn Phòng công chứng N

Vào ngày 15/5/2023 Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, tỉnh Long An đăng ký biến động thửa đất số 277, 278, 7736 cho ông Huỳnh Văn T.

Vào ngày 18/7/2023, Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, tỉnh Long An đăng ký biến động thửa đất số 153, 161 cho anh Huỳnh Văn T.

Quyền sử dụng đất thửa đất số 277, 278, 7736, 153, 161 là tài sản chung của cụ C1 và cụ C. Cụ C1 qua đời vào ngày 15/02/2023, hàng thừa kế thứ 1 của cụ C1 là cụ C, bà M và ông T được hưởng di sản của cụ C1 nhưng cụ C đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất định đoạt luôn phần di sản của cụ C1 cho ông T khi chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất chia di sản của cụ C1. Văn phòng công chứng N công chứng hợp đồng tặng cho ngày 4/5/2023 giữa bên tặng cho ông Huỳnh Văn C và bên được tặng cho ông Huỳnh Văn T, trái với Bộ luật dân sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của bà M.

Đối với văn bản huỷ di C1 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký, bà M xác định nội dung được đánh máy, không do cụ C1 viết, khi chứng thực không xác định ý chí của người huỷ bỏ di C1, không nộp các văn bản liên quan đến nhân thân, giám định tâm thần nên không phải ý chí của cụ C1. Do đó văn bản này chưa đủ điều kiện có hiệu lực theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngoài ra bà M xuất trình thêm 01 văn bản (phô tô) có bút tích của cụ Phan Thị C1 xác định ý chí của cụ C1 vẫn muốn để lại phần đất tại Tân Hoà cho bà M.

Bà M không đồng ý với yêu cầu phản tố của cụ C và ông T lý do cụ C1 và cụ C là vợ chồng hợp pháp chung sống với nhau từ năm 1969 đến nay nên xác định tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng. Cụ C1 chết năm 2023, từ thời điểm đó đến nay cụ C không tôn tạo thêm gì vào khối di sản nên bà M không đồng ý xem xét công sức đóng góp. Đối với chứng cứ bị đơn đưa ra là Đơn thoả thuận cha và mẹ (bản phô tô), thời điểm lập biên bản, cụ C1 còn sống, việc mở thừa kế chỉ phát sinh khi người để lại di sản đã chết. Do đó, nếu bà M có lập văn bản từ chối nhận di sản tại thời điểm cụ C1 và cụ C còn sống thì cũng không có giá trị pháp luật.

Bà M khởi kiện yêu cầu:

+ Tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho ông Huỳnh Văn C và bên được tặng cho ông Huỳnh Văn T được Văn Phòng công chứng N công chứng ngày 4/5/2023, số công chứng 1895, quyển số 02/2023 TP/CC- SCC/HĐGD.

+ Yêu cầu hủy cập nhật chỉnh lý biến động đối với nội dung sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 15/5/2023 được thực hiện trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc CS18350 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 28/4/2023 cho ông Huỳnh Văn C.

+ Yêu cầu hủy cập nhật chỉnh lý biến động đối với nội dung sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 15/5/2023 được thực hiện trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc CS18349 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long an cấp ngày 28/4/2023 cho ông Huỳnh Văn C.

+ Yêu cầu hủy cập nhật chỉnh lý biến động đối với nội dung sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 15/5/2023 được thực hiện trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc CS18361 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 28/4/2023 cho ông Huỳnh Văn C

+ Yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho cụ Huỳnh Văn C và bên được tặng cho ông Huỳnh Văn T được Văn Phòng công chứng N công chứng ngày 07/7/2023, số công chứng 3048, quyển số 02/2023 TP/CC- SCC/HĐGD.

+ Yêu cầu hủy cập nhật chỉnh lý biến động đối với nội dung sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 18/7/2023 được thực hiện trên Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số hồ sơ gốc DL 488642 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 26/6/2023 cho ông Huỳnh Văn C.

+ Yêu cầu hủy cập nhật chỉnh lý biến động đối với nội dung sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 18/7/2023 được thực hiện trên Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số hồ sơ gốc DL 488643 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 26/6/2023 cho ông Huỳnh Văn C.

+ Yêu cầu vô hiệu văn bản huỷ bỏ di C1 ngày 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký.

+ Yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất theo "tờ di C1" lập ngày 17/11/2004, phần di sản của cụ C1 cho bà M có hiệu lực pháp luật. Cụ thể được chia thừa kế ½ quyền sử dụng đất thửa 630 cũ, tờ bản đồ cũ số 4, thửa mới là 124, tờ bản đồ mới 25, cụ thể là 9.642,55m^2 đất tọa lạc tại xã H1, huyện B, tỉnh Long An, yêu cầu nhận hiện vật.

+ Yêu cầu phân chia di sản thừa kế do cụ Phan Thị C1 để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6 (do các thửa 3837, 3838, 392, 7610 cùng tờ bản đồ số 6 hợp thành) (nhận hiện vật), thửa đất số 277, 278 cùng tờ bản đồ số 20, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, (thửa cũ 209, tờ bản đồ số 6), thửa đất số 176, 360 cùng tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là 210, tờ bản đồ số 6), thửa đất số 161, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 200, tờ bản đồ số 6), thửa đất số 153, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 199, tờ bản đồ số 6), thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13 (thửa cũ là thửa 1429, tờ bản đồ số 3) cùng toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25 toạ lạc tại ấp 1, xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An (trừ phần yêu cầu chia theo di C1). Cụ thể, yêu cầu được nhận một suất thừa kế bằng 1/3 quyền sử dụng đất, phần di sản của cụ C1 ở các thửa đất nêu trên;

Về các cây trồng trên đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25 (thửa cũ 630, tờ bản đồ số 4) toạ lạc tại ấp 1, xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An là các cây chanh do ông T và bà T1 trồng, nguyên đơn đồng ý thối hoàn giá trị trong trường hợp được nhận hiện vật. Tại các thửa đất khác, không tranh chấp về cây trồng trên đất nên không yêu cầu định giá.

Đối với thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6, ranh do các đương sự xác định không trùng khớp với ranh bản đồ địa chính nhưng không chồng lấn sang ranh của người thứ 3 nên đề nghị xác định ranh giới là ranh thực tế do các đương sự xác định.

Bị đơn cụ Huỳnh Văn C do ông Nguyễn Văn Tòng là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Về thời gian mất và hàng thừa kế của cụ C1, cụ C thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

Cụ C không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25 (thửa cũ 630, tờ bản đồ số 4) toạ lạc tại ấp 1, xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An: Cụ C và cụ C1 (sinh năm: 1951, mất năm: 2023) là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1968 cho đến khi cụ C1 mất. Cụ C và cụ C1 có tài sản chung là thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25 (thửa cũ 630, tờ bản đồ số 4) toạ lạc tại ấp 1, xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An. Ngày 15/4/2023, cụ C biết được cụ Phan Thị C1 có lập di C1 ngày 17/11/2004, do con gái cụ C là bà Huỳnh Thị M đưa cho cụ C xem. Di C1 nêu trên là hoàn toàn bất hợp pháp, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của cụ C, bởi các lý do sau đây: Thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 25, diện tích: 19.285,1m^2 là tài sản chung

của vợ chồng nhưng cụ C1 lại một mình đứng ra lập di C1; thông tin về số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích trong di C1 là sai hoàn toàn so với thực tế; di C1 nêu trên xâm phạm quyền được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di C1 của ông C; nội dung di C1 ghi là *"khi tôi già yếu"* (không phải khi cụ C1 mất), thì bà M được quyền sử dụng là không rõ ràng, không phân biệt được là ủy quyền hay di C1;… Như vậy, di C1 mà cụ Phan Thị C1 lập ngày 17/11/2004 là không có giá trị pháp lý. Mặt khác, tại văn bản huỷ bỏ di C1 ngày 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký, cụ C1 đã huỷ bỏ toàn bộ nội dung di C1 trên nên di C1 không còn giá trị. Việc huỷ bỏ di C1 của cụ C1 đã tuân thủ theo quy định tại Điều 662 Bộ luật dân sự.

Đối với các phần đất tại xã A, huyện B cụ thể là các thửa đất:

- Thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6 (do các thửa 3837, 3838, 392, 7610 cùng tờ bản đồ số 6 hợp thành) toạ lạc tại ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 277, 278 cùng tờ bản đồ số 20, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, (thửa cũ 209, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 176, 360 cùng tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là 210, tờ bản đồ số 6), toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 200, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 199, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13 (thửa cũ là thửa 1429, tờ bản đồ số 3) toạ lạc tại ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Toàn bộ các thửa đất nêu trên là tài sản riêng của cụ Huỳnh Văn C. Nguồn gốc các phần đất này là do ông Huỳnh Văn Tương (cha cụ C) và bà Đỗ Thị Thơm (mẹ cụ C) cho riêng cụ C, không phải là tài sản chung của cụ C và cụ C1 nên không phải là di sản thừa kế do cụ C1 để lại. Mặt khác, bà Huỳnh Thị M đã từ chối hưởng di sản một cách hợp pháp, theo quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015, căn cứ theo Đơn thỏa thuận cha và mẹ ngày 06/3/2017. Như vậy, bà M không có quyền gì đối với các thửa đất tọa lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ Khoản 3 Điều 620 Bộ luật dân sự quy định việc từ chối nhận di sản phải thực hiện trước thời điểm phân chia di sản, do đó, bà M đã từ chối trước khi phân chia di sản nên việc từ chối này không trái quy định của pháp luật. Do bà M đã nhận nhiều tài sản cha mẹ cho trước đây nên việc bà M từ chối nhận di sản hoàn toàn không trái đạo đức xã hội.

Đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 20 (thửa cũ là thửa 199, tờ bản đồ số 6) toạ lạc tại ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An cụ C đã tặng cho đứt đoạn cho ông Huỳnh Văn T vào năm 2000. Do đó, cụ C đồng ý công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này cho ông T. Cụ C đồng ý làm tất cả các thủ tục tiếp theo để sang tên qua ông T.

Việc nguyên đơn yêu cầu chia hiện vật, bị đơn không đồng ý. Trong trường hợp chia di sản thừa kế, cụ C yêu cầu nhận hiện vật và thối hoàn giá trị.

Cụ Huỳnh Văn C có yêu cầu phản tố:

- Tuyên vô hiệu di C1 do cụ Phan Thị C1 lập ngày 17/11/2004. Chia đều di sản thừa kế là ½ thửa đất số: 124, tờ bản đồ số: 25, có diện tích là: 9.642,5m^2 (tổng diện tích thửa đất là: 19.285,1m^2) cho 03 đồng thừa kế là: Cụ Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị M, cụ C nhận 01 suất thừa kế.

- Xem xét chia cho cụ C phần công sức quản lý, giữ gìn của cụ Huỳnh Văn C đối với phần di sản thừa kế do cụ Phan Thị C1 để lại, tương đương với 10% giá trị của di sản và trích ra 20% di sản làm nơi thờ cúng.

- Trường hợp Toà án xác định bất kì phần đất nào tại A là tài sản chung của vợ chồng thì đề nghị chia cho cụ C đề nghị xem xét chia tài sản chung của vợ chồng để cụ C được nhận 06 phần trong khối tài sản chung, phần còn lại chia di sản đề nghị chia theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi phần công sức đóng góp.

Đối với thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6, ranh do các đương sự xác định không trùng khớp với ranh bản đồ địa chính nhưng không chồng lấn sang ranh của người thứ 3 nên đề nghị xác định ranh là ranh do các đương sự xác định.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Về thời gian mất và hàng thừa kế của cụ C1, ông T thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

Nay bà M khởi kiện thì ông T không đồng ý với lý do:

- Đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25 (thửa cũ 630, tờ bản đồ số 4) toạ lạc tại ấp 1, xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An: Ông T đồng ý với phần trình bày của cụ C về việc đây là tài sản chung của cụ C và cụ C1. Cụ C1 đã huỷ di C1 nên yêu cầu của bà M là không có căn cứ.

Đối với thửa đất số 175, 277, 278, tờ bản đồ số 20 toạ lạc tại ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An: Ông T đã quản lý, sử dụng ổn định 24 năm nay (từ năm 2000 – đến năm 2024). Năm 2000 cụ C có cho ông T một phần đất là tài sản riêng của cụ C để ông T cất nhà và lập gia đình sau này. Việc cho tặng này chưa làm thủ tục sang tên, nhưng ông T là người quản lý, sử dụng, trồng cây trên phần đất này liên tục từ năm 2000 cho đến nay. Năm 2009 ông T cất nhà, năm 2011 ông T kết hôn và tiếp tục sinh sống ổn định trên đất cho tới bây giờ. Như vậy các thửa đất này là tài sản của ông T, có nguồn gốc từ việc cha ông T cho ông T, chứ không phải là di sản thừa kế như bà Huỳnh Thị M trình bày.

Ông T có yêu cầu phản tố:

- Yêu cầu tuyên vô hiệu "tờ di C1" lập ngày 17/11/2004, chia thừa kế ½ quyền sử dụng đất số 124, tờ bản đồ 25 tọa lạc tại xã H1, huyện B, tỉnh Long An thành 3 phần, ông Huỳnh Văn T nhận 1 phần. Đối với cây trồng trên thửa đất

này, yêu cầu người nhận hiện vật có nghĩa vụ trả lại giá trị cây trồng trên đất cho ông T.

- Công nhận thửa đất số 175, 277, 278, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An và nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất là tài sản của ông T.

- Đối với các thửa đất tại A, trường hợp Toà án xác định có 01 phần di sản của cụ C1 thì ông T đề nghị chia di sản theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6, ranh do các đương sự xác định không trùng khớp với ranh bản đồ địa chính nhưng không chồng lấn sang ranh của người thứ 3 nên đề nghị xác định ranh là ranh do các đương sự xác định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Diễm T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Bà T1 và ông T có mối quan hệ vợ chồng. Bà T1 thống nhất toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T, không yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên vào Môi trường tỉnh Long trình bày ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng N trình bày ý kiến: Việc chứng nhận các hợp đồng tặng cho là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân xã A đề nghị Toà án nhân dân huyện B giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M đối với bị đơn cụ Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản".

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M đối với bị đơn cụ Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T về việc "tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho cụ Huỳnh Văn C với bên được tặng cho ông Huỳnh Văn T được Văn Phòng công chứng N công chứng ngày 04/5/2023, số công chứng 1895, quyển số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD về việc tặng cho thửa đất số 277, 278, 7736 tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho cụ Huỳnh Văn C với bên được tặng cho ông Huỳnh Văn T được Văn Phòng công chứng N công chứng ngày 07/7/2023, số công chứng 3048, quyển số

02/2023 TP/CC- SCC/HĐGD về việc tặng cho thửa đất số 153, 161 tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M đối với bị đơn cụ Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T về việc "yêu cầu vô hiệu văn bản huỷ di C1".

Tuyên bố vô hiệu văn bản huỷ bỏ di C1 ngày 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn cụ Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị M về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản".

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn T đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị M về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn cụ Huỳnh Văn C với nguyên đơn bà Huỳnh Thị M về việc "tuyên bố vô hiệu di C1".

6.1. Chia cho bà Huỳnh Thị M được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A), diện tích đo đạc thực tế 2046,6 m^2, loại đất LUC, thuộc một phần thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ cây trồng trên đất. Thửa đất này do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 782267, số vào sổ CS 18351 ngày 28/4/2023 đứng tên Huỳnh Văn C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B C lý sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 15/5/2023.

6.2. Chia cho bà Huỳnh Thị M được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A), diện tích đo đạc thực tế 9642,5 m^2, loại đất BHK, thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ cây trồng trên đất. Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ giao lại phần đất này cho bà Huỳnh Thị M quản lý sử dụng.

6.3. Chia cho cụ Huỳnh Văn C được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (B), diện tích đo đạc thực tế 9642,6 m^2, loại đất BHK, thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã Tân Hoà, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ cây trồng trên đất. Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ giao lại phần đất này cho cụ Huỳnh Văn C quản lý sử dụng.

Thửa đất 124, tờ bản đồ số 25 nêu trên do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 777482, số vào sổ CS 05709 cấp ngày 22/3/2021 đứng tên cụ Phan Thị C1.

6.4. Chia cho cụ Huỳnh Văn C được quyền tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 176, diện tích đo đạc thực tế 3.400 m^2, loại đất ONT; thửa đất số 360, diện tích đo đạc thực tế 160,8 m^2, loại đất CLN, cùng tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ký hiệu (1), diện tích đo đạc thực tế 191.5 m^2; nhà tiền chế ký hiệu (2), diện tích đo đạc thực tế 145.6 m^2, nhà tạm ký hiệu (3), diện tích đo đạc thực tế 46 m^2, nhà

tạm ký hiệu (4), diện tích đo đạc thực tế 63.3 m^2, nhà vệ sinh ký hiệu (5), diện tích đo đạc thực tế 3.9 m^2, sân bê tông ký hiệu (6), diện tích đo đạc thực tế 151.8 m^2, khu hồ nước ký hiệu (7) diện tích đo đạc thực tế 18.4 m^2. Các thửa đất này do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 249232, DM 249234, số vào sổ VP 18585, VP 18584 cấp cùng ngày 31/8/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C.

6.5. Chia cho cụ Huỳnh Văn C được quyền tiếp tục quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A) diện tích đo đạc thực tế 2113.8m^2, thuộc một phần thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền với đất là nhà mồ ký hiệu (1), diện tích đo đạc thực tế 40.9 m^2, mả ký hiệu (2), diện tích đo đạc thực tế 11.3 m^2. Thửa đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 794702, số vào sổ CS16874 ngày 05/02/2021 đứng tên cụ Huỳnh Văn C.

6.6. Chia cho ông Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 175, diện tích đo đạc thực tế 1541.4 m^2, loại đất LUC; thửa đất số 277, diện tích đo đạc thực tế 268.4 m^2, loại đất LUC; thửa đất số 278, diện tích đo đạc thực tế 572.5 m^2, loại đất LUC; thửa đất số 161, diện tích đo đạc thực tế 3101.7 m^2; loại đất BHK, cùng tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ký hiệu (1), diện tích đo đạc thực tế 119.8 m^2, nhà ký hiệu (2), diện tích đo đạc thực tế 43.9 m^2, mái che ký hiệu (3), diện tích đo đạc thực tế 247.4 m^2, nhà tạm ký hiệu (4), diện tích đo đạc thực tế 15.3 m^2 . Thửa đất số 277, 278 nêu trên do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 782221, DK 782222, số vào sổ CS18350, CS 18349 cùng ngày 28/4/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B chỉnh lý sang tên ông Huỳnh Văn T cùng ngày 15/5/2023. Thửa đất số 161 nêu trên do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 488643 số vào sổ VP 18468 ngày 26/6/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B chỉnh lý sang tên ông Huỳnh Văn T ngày 18/7/2023. Thửa đất số 175 nêu trên do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 249233, số vào sổ VP 18586 ngày 31/8/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C.

6.7. Ông Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 153, tờ bản đồ số 20, diện tích đo đạc thực tế 1860.2 m^2, loại đất BHK toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền với đất là mồ, diện tích đo đạc thực tế 94.5 m^2. Thửa đất này do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 488642, số vào sổ VP 18467 cấp ngày 26/6/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 18/7/2023.

6.8. Buộc cụ Huỳnh Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị M giá trị di sản thừa kế là 104.081.084đ (một trăm linh bốn triệu không trăm tám mươi mốt nghìn không trăm tám mươi bốn đồng)

6.9. Buộc ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị M giá trị di sản thừa kế là 932.271.008đ (chín trăm ba mươi hai triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm linh tám đồng).

(Vị trí, tứ cận, loại đất, chiều dài và chiều rộng các phần đất nêu trên được thể hiện theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555-2023 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất P thực hiện được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 29/11/2023 và bản trích đo phân khu ngày 09/9/2024 , được đính kèm bản án sơ thẩm).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của mình theo quy định của Luật đất đai.

7. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 18/9/2024, Tòa án nhân dân huyện B nhận được đơn kháng của cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn là cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với các thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6, thửa đất số 175,176, 161, 153, 277, 278, 360, cùng tờ bản đồ số 20, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13 cùng tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Cụ C và anh T kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế là ½ tài sản chung của cụ C và bà C1 đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B, tỉnh Long An theo pháp luật cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: cụ C, bà M (tên khác là L) và anh T làm 03 kỷ phần. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phần tranh luận:

Bị đơn là cụ C và anh T thống nhất trình bày: Sau khi bà C1 lập "tờ di chúc" ngày 17/11/2024, bà C1 đã thay đổi nên ngày 12/01/2010 cụ C và bà C1 cùng đến Ủy ban nhân dân xã A để bà C1 lập văn bản hủy di chúc và được ủy ban xã A chứng thực. Khi lập văn bản hủy di chúc thì bà C1 hoàn toàn minh mẫn. Cụ C và anh T yêu cầu được hưởng di sản được chia thừa kế là ½ đối với thửa đất số 124 tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B do bà C1 đứng tên chia 03 kỷ phần bằng nhau cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1

gồm: cụ C, chị M (tên khác là L) và anh T; đối với cây trồng trên thửa đất số 124 anh T và chi Thúy sẽ tự di dời.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Diễm T1 trình bày: Chị T1 thống nhất với ý kiến của cụ C và anh T; anh T, chị T1 sẽ tự di dời cây trồng để giao đất cho ông C và chị M.

Bà Huỳnh Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị M trình bày: Việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì bà đồng ý. Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B do bà C1 đứng tên bởi vì văn bản huỷ di C1 được Uỷ ban nhân dân xã A chỉ chứng thực chữ ký nhưng không xác định được ý chí của bà C1 nên chưa đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, tại phiên toà, các đương sự thừa nhận ý chí của cụ C1 trước khi chết là giao cho bà M một phần đất tại H1. Do đó có cơ sở xác định văn bản huỷ di chúc không đúng với ý chí của bà C1. Vì vậy, bị đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B là không có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của cụ C và anh T nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Xét kháng cáo của cụ C và anh T: Tại toà cụ C và anh T đồng ý một phần bản án sơ thẩm, nên đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của cụ C và anh T.

Cụ C và anh T chỉ không đồng ý Di chúc ngày 17/11/2004 "tờ di chúc" có nội dung như sau: "Tôi có diện tích đất 30.000m^2, số thửa 630, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: Đất trồng mía. Hiện nay tôi đang sử dụng. Khi tôi già yếu thì con gái tôi là Huỳnh Thị M, sinh năm: 1970. Số giấy chứng minh nhân dân 300684162. Cư ngụ tại Ấp 1B, xã A huyện B, tỉnh Long An được quyền sử dụng. Nay tôi làm tờ di chúc này để cho con gái của tôi là Huỳnh Thị M sau này được toàn quyền sử dụng phần đất nói trên không ai được quyền tranh chấp trong phần đất này".

Tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của chính cụ C và anh T từ sơ thẩm đến phúc thẩm: Trước khi bà Phan Thị C1 mất năm 2023 thì gia đình đã có tiến hành đo đạc làm giấy tờ để giao thửa 630 cho bà M nhưng do bà C1 mất nên không làm giấy tờ được. Chính lời trình bày này đã chứng minh rằng ý chí của bà C1 và gia đình đã biết được bà C1 di chúc thửa đất này cho con gái bà C1 là bà Huỳnh Thị M. Đồng thời đối chiếu với các quy định BLDS năm 2005 tại các Điều 652, 658 về quy định lập di chúc thì di chúc ngày 17/11/2004 là có hiệu

lực (có tiến hành giám định tâm thần của bà C1, di chúc được UBND xã A chứng thực).

Cụ C và anh T kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ xem xét. Án sơ thẩm đã chia là phù hợp.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của cụ C và anh T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Bị đơn cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T rút lại một phần kháng cáo đối với các thửa đất: 7736, tờ bản đồ số 6, thửa đất số 175,176, 161, 153, 277, 278, 360, cùng tờ bản đồ số 20, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13 cùng tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của cụ C và anh T.

[5] Bị đơn cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận văn bản hủy di chúc được lập ngày 12/01/20210 do UBND xã A, huyện B chứng thực và xem xét chia di sản của bà C1 đối với ½ diện tích thửa đất số 124 tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B theo pháp luật cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm: cụ C, chị M và anh T làm 03 kỷ phần. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6] Đối với văn bản huỷ di chúc được lập ngày 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký, hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 17/11/2004, bà Phan Thị C1 lập "tờ di chúc" được UBND xã A huyện B chứng nhận ngày 18/11/2004 "tờ di chúc" có nội dung như sau: "Tôi có diện tích đất 30.000m^2, số thửa 630, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: Đất trồng mía. Hiện nay tôi đang sử dụng. Khi tôi già yếu thì con gái tôi là Huỳnh Thị M, sinh năm: 1970. Số giấy chứng minh nhân dân 300684162. Cư ngụ tại Ấp 1B,

xã A huyện B, tỉnh Long An được quyền sử dụng. Nay tôi làm tờ di C1 này để cho con gái của tôi là Huỳnh Thị M sau này được toàn quyền sử dụng phần đất nói trên không ai được quyền tranh chấp trong phần đất này"(BL168).

Ngày 12/01/2010, bà Phan Thị C1 lập "văn bản hủy di chúc" được UBND xã A huyện B chứng nhận ngày 12/01/2010 có nội dung: Tôi tên: Phan Thị C1, sinh năm: 1951, CMND: 300376593 do CA Long An cấp ngày 30.10.2000. Nay tôi cảm thấy tinh thần tôi minh mẫn, sáng suốt và tôi quyết định hủy toàn bộ nội dung di chúc lập ngày 17/11/2004 được UBND xã A huyện B chứng nhận ngày 18/11/2004 số chứng thực 08/2004(BL674). Nội dung văn bản hủy di chúc cho thấy bà C1 hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt và thể hiện ý chí của bà C1 mặc dù bà C1 không giám định tâm thần để xác định năng lực hành vi dân sự nhưng ngày 02/7/2010, 24/8/2012, 25/6/2014 bà C1 và cụ C đã ký hợp đồng thế chấp QSDĐ các thửa đất đang tranh chấp cho ngân hàng để vay vốn và ngày 23/10/2020, bà C1, cụ C ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn H2 thửa đất 7752 (tách từ thửa 7736), tại văn phòng công chứng B chứng thực số 09345 ngày 23/10/2020. Các Hợp đồng thế chấp, chuyển nhượng đều được công chứng, chứng thực đều thể hiện tại thời điểm công chứng, chứng thực các bên đã giao kết hợp đồng, giao dịch có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật (BL307-308, 512-517,537-551). Vì vậy có căn cứ để khẳng định khi cụ C1 lập văn bản huỷ di chúc 12/01/2010 thì cụ C1 có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

[7] Tại cấp sơ thẩm bà M xuất trình thêm 01 văn bản (phô tô) có bút tích của bà Phan Thị C1 (BL 167) xác định ý chí của cụ C1 vẫn muốn để lại phần đất tại H1 cho bà M. Tuy nhiên văn bản này không thể hiện thời gian (ngày, tháng, năm) nên không có đủ căn cứ để xác định văn bản này có trước hay có sau "tờ di chúc" ngày 18/11/2004 và văn bản huỷ di chúc 12/01/2010 để làm cơ sở cho rằng ý chí của bà C1 vẫn để cho bà M thửa đất số 124 tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định văn bản huỷ di chúc 12/01/2010 chưa đủ điều kiện có hiệu lực theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 để chấp nhận yêu cầu của bà M, tuyên bố vô hiệu văn bản huỷ bỏ di chúc ngày 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký là chưa phù hợp. Với các lập luận trên tòa án cấp phúc thẩm xác định: "văn bản hủy di chúc" được UBND xã A huyện B chứng nhận ngày 12/01/2010 số chứng thực 08/2004(BL674) có hiệu lực theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005; việc hủy bỏ di chúc của bà C1 đã tuân thủ theo quy định tại Điều 662 Bộ luật dân sự 2005 nên "tờ di chúc" do bà C1 lập ngày 17.11.2004 được UBND xã A huyện B chứng nhận ngày 18/11/2004 bị hủy bỏ.

[8] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định thửa đất số 124 tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B là di sản của bà C1 được chia thừa kế theo pháp luật, hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 là cụ C, chị M (tên gọi khác là L) và anh T, mỗi người sẽ nhận được 01 kỷ phần bằng hiện vật đối với ½ diện tích thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B diện tích đo đạc thực tế 9642,5 m^2, được thể hiện theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 549 do Công

ty TNHH Đo đạc nhà đất P thực hiện được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B duyệt ngày 29/11/2023 và bản trích đo phân khu ngày 06/12/2024 được chia làm 03 kỷ phần mỗi kỷ phần là 3214.1m^2. Cụ C được nhận 3.214,1m^2, chị M được nhận 3.214,1m^2, anh T được nhận 3.214,1m^2. Đối với cây chanh trên đất, anh T, bà Thúy phải di dời để giao đất cho chị M và cụ C. Vì vậy không cần thiết tuyên vô hiệu "tờ di chúc"ngày 17/11/2004 do bà Phan Thị C1 lập.

[9] Đối với yêu cầu của chị Huỳnh Thị M về việc " vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" giữa cụ Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn T và yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C1 đối với các thửa đất: 7736, 277, 278 , 175 , 176, 360, 161, 153, 223. Tại phiên tòa phúc thẩm cụ C, anh T rút lại kháng cáo nên hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần kháng cáo này. Quyết định của tòa án cấp sơ thẩm liên quan đến các thửa đất này được giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên.

[10] Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của cụ C và anh T. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 106/2024/LĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện B đối với phần tranh chấp thửa đất số 124 tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B do bà C1 đứng tên quyền sử dụng đất và đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của cụ C và anh T như ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[11] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm 116.225.100đồng, anh T phải chịu án phí sơ 115.625.100đồng. cụ C được miễn án phí theo quy định.

[12] Về án phí phúc thẩm: anh T không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[13] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 106/2024/LĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện B.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651 660 Bộ luật Dân sự 2015. các Điều 166, 170 Luật Đất đai; các Điều 12, 14, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị M đối với cụ Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn T về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản" và "tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho cụ Huỳnh Văn C với bên được tặng cho anh Huỳnh Văn T được Văn Phòng công chứng N công chứng ngày 04/5/2023, số công chứng 1895, quyển số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD về việc tặng cho thửa đất số 277, 278, 7736 tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho cụ Huỳnh Văn C với bên được tặng cho anh Huỳnh Văn T được Văn Phòng công chứng N công chứng ngày 07/7/2023, số công chứng 3048, quyển số 02/2023 TP/CC- SCC/HĐGD về việc tặng cho thửa đất số 153, 161 tờ bản đồ số 20, toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M đối với cụ Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Văn T về việc "yêu cầu vô hiệu văn bản huỷ di chúc".

Tuyên bố văn bản huỷ bỏ di chúc ngày 12/01/2010 do Uỷ ban nhân dân xã A chứng thực chữ ký có hiệu lực.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T đối với bà Huỳnh Thị M về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản".

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Huỳnh Văn T đối với bà Huỳnh Thị M về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

5. Chấp nhận yêu cầu của cụ Huỳnh Văn C và anh Huỳnh Văn T với chị Huỳnh Thị M về việc chia thừa kế di sản của cụ C1 đối với thửa đất 124 cụ thể:

5.1. Chia cho chị Huỳnh Thị M được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A), diện tích đo đạc thực tế 2046,6 m^2, loại đất LUC, thuộc một phần thửa đất số 7736, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ cây trồng trên đất. Thửa đất này do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 782267, số vào sổ CS 18351 ngày 28/4/2023 đứng tên Huỳnh Văn C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B C lý sang tên cho ông Huỳnh Văn T ngày 15/5/2023.

5.2. Chia cho chị Huỳnh Thị M được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A), diện tích 3.214,1m^2, loại đất BHK, thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B, tỉnh Long An. Anh Huỳnh Văn T, chị Lê Thị Diễm T1 có nghĩa vụ di dời cây trồng (cây Chanh) giao lại phần đất trống này cho chị Huỳnh Thị M quản lý sử dụng.

5.3. Chia cho cụ Huỳnh Văn C được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (B), diện tích đo đạc thực tế 9642,6 m^2 và 3.214,2m^2 (Khu A2) loại đất BHK, thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B, tỉnh Long An. Anh Huỳnh Văn T, chị Lê Thị Diễm T1 có nghĩa vụ di dời cây trồng (cây Chanh) giao lại phần đất trống này cho cụ Huỳnh Văn C quản lý sử dụng.

5.4. Chia cho anh Huỳnh Văn T được quyền quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A1), diện tích 3.214,2m^2, loại đất BHK, thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã H1, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ cây trồng trên đất.

Thửa đất 124, tờ bản đồ số 25 nêu trên do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 777482, số vào sổ CS 05709 cấp ngày 22/3/2021 đứng tên cụ Phan Thị C1.

5.5. Chia cho cụ Huỳnh Văn C được quyền tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 176, diện tích đo đạc thực tế 3.400m^2, loại đất ONT; thửa đất số 360, diện tích đo đạc thực tế 160,8 m^2, loại đất CLN, cùng tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ký hiệu (1), diện tích đo đạc thực tế 191.5m^2; nhà tiền chế ký hiệu (2), diện tích đo đạc thực tế 145.6m^2, nhà tạm ký hiệu (3), diện tích đo đạc thực tế 46m^2, nhà tạm ký hiệu (4), diện tích đo đạc thực tế 63.3 m^2, nhà vệ sinh ký hiệu (5), diện tích đo đạc thực tế 3.9m^2, sân bê tông ký hiệu (6), diện tích đo đạc thực tế 151.8m^2, khu hồ nước ký hiệu (7) diện tích đo đạc thực tế 18.4m^2. Các thửa đất này do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 249232, DM 249234, số vào sổ VP 18585, VP 18584 cấp cùng ngày 31/8/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C.

Chia cho cụ Huỳnh Văn C được quyền tiếp tục quản lý sử dụng vị trí đất tại Khu (A) diện tích đo đạc thực tế 2113.8m^2, thuộc một phần thửa đất số 223, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền với đất là nhà mồ ký hiệu (1), diện tích đo đạc thực tế 40.9m^2, mả ký hiệu (2), diện tích đo đạc thực tế 11.3m^2. Thửa đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 794702, số vào sổ CS16874 ngày 05/02/2021 đứng tên cụ Huỳnh Văn C.

5.6. Chia cho Anh Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 175, diện tích đo đạc thực tế 1541.4m^2, loại đất LUC; thửa đất số 277, diện tích đo đạc thực tế 268.4m^2, loại đất LUC; thửa đất số 278, diện tích đo đạc thực tế 572.5 m^2, loại đất LUC; thửa đất số 161, diện tích đo đạc thực tế 3101.7m^2; loại đất BHK, cùng tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ký hiệu (1), diện tích đo đạc thực tế 119.8 m^2, nhà ký hiệu (2), diện tích đo đạc thực tế 43.9 m^2, mái che ký hiệu (3), diện tích đo đạc thực tế 247.4m^2, nhà tạm ký hiệu (4), diện tích đo đạc thực tế 15.3m^2 . Thửa đất số 277, 278 nêu trên do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 782221, DK

782222, số vào sổ CS18350, CS 18349 cùng ngày 28/4/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B C lý sang tên ông Huỳnh Văn T cùng ngày 15/5/2023. Thửa đất số 161 nêu trên do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 488643 số vào sổ VP 18468 ngày 26/6/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B C lý sang tên anh Huỳnh Văn T ngày 18/7/2023. Thửa đất số 175 nêu trên do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 249233, số vào sổ VP 18586 ngày 31/8/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C.

5.7. Anh Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 153, tờ bản đồ số 20, diện tích đo đạc thực tế 1860.2m^2, loại đất BHK toạ lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Long An cùng tài sản gắn liền với đất là mồ, diện tích đo đạc thực tế 94.5m^2. Thửa đất này do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 488642, số vào sổ VP 18467 cấp ngày 26/6/2023 đứng tên cụ Huỳnh Văn C được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B C lý sang tên cho anh Huỳnh Văn T ngày 18/7/2023.

5.8. Buộc cụ Huỳnh Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Huỳnh Thị M giá trị di sản thừa kế là 104.081.084đ (một trăm linh bốn triệu không trăm tám mươi mốt nghìn không trăm tám mươi bốn đồng)

5.9. Buộc anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Huỳnh Thị M giá trị di sản thừa kế là 1.473.761.008đ).

(Vị trí, tứ cận, loại đất, chiều dài và chiều rộng các phần đất nêu trên được thể hiện theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555-2023 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất P thực hiện được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 29/11/2023 và bản trích đo phân khu ngày 06/12/2024).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của mình theo quy định của Luật đất đai.

6. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp".

7. Chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 165.200.000đ. cụ Huỳnh Văn C phải chịu 98.130.324đ. Chị Huỳnh Thị M phải chịu 47.327.034đ, anh Huỳnh Văn T phải chịu 19.742.642đ. Cụ Huỳnh Văn C đã nộp tạm ứng 40.000.000đ, chị Huỳnh Thị M đã nộp tạm ứng 125.200.000đ. cụ Huỳnh Văn C phải trả lại cho chị Huỳnh Thị M 58.130.324đ (năm mươi tám triệu một trăm ba mươi nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng), anh Huỳnh Văn T phải trả lại cho chị Huỳnh Thị M 19.742.642đ (mười chín triệu bảy trăm bốn

mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng). Phần của chị Huỳnh Thị M đã nộp xong.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

9. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cụ C phải chịu án phí nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, bà Huỳnh Thị M phải chịu 116.225.100đ (một trăm mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn một trăm đồng), ông Huỳnh Văn T phải chịu 115.625.100đ (một trăm mười lăm triệu hau trăm hai mươi lăm ngàn một trăm đồng).

10.Về án phí phúc thẩm:

Anh Huỳnh Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho anh Huỳnh Văn T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0007643 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B,tỉnh Long An.

Cụ Huỳnh Văn C được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

11.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Thẩm phán	Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
Nguyễn Văn Thu - Trần Quốc Khánh	**Trần Tấn Quốc**